

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS-ST

Ngày: 24/9/2020

*V/v: tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Mau và ông Trần Văn Ất.

- Thư ký Tòa án: Bà Nguyễn Thị Huệ - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thạch Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST- DS ngày 7 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn số 30/2020/QĐ- HPT ngày 24/7/2020 và Quyết định hoãn số 31/2020/QĐ- HPT ngày 24/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh Thu H, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Văn T theo văn bản ủy quyền ngày 11/12/2019 – Có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Thái Thị Huyền Tr, sinh 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 9, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay: Tiệm giày dép Trang Thái, đường Chu Văn An, tổ dân phố 2, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Chị Nguyễn Thanh Thu H và chị Thái Thị Huyền Tr trước đây là bạn bè, nên chị H cho chị Thái Thị Huyền Tr vay tiền số tiền 350.000.000đ (*bằng chữ: Ba trăm năm mươi triệu đồng*), cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 01/06/2018, chị H cho chị Tr vay số tiền 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*), không kỳ hạn, lãi suất tự thỏa thuận.

Lần 2: Ngày 03/06/2018, chị H tiếp tục cho chị Tr vay số tiền 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*), không kỳ hạn, lãi suất tự thỏa thuận.

Số tiền 350.000.000 đồng chị H cho chị Tr vay ở trên là tài sản riêng của chị H, chồng của chị H là anh Tô Hoài Đ không liên quan. Do đó, nguyên đơn đề nghị không đưa anh Tô Hoài Đ vào tham gia tố tụng. Khi cho chị Trang vay tiền, chị Tr chưa lập gia đình nên chị H chỉ yêu cầu chị Tr trả nợ vay.

Chị H đã nhiều lần yêu cầu chị Thái Thị Huyền Tr trả số tiền vay trên và tiền lãi suất nhưng chị Tr tìm nhiều lý do để trốn tránh không chịu trả nợ cho chị H mặc dù có điều kiện để trả nợ.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2019 chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Thái Thị Huyền Tr trả cho chị H tổng số tiền là 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) tiền vay gốc và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp ngày 11/5/2020 chị Hằng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Thái Thị Huyền Tr trả cho chị Nguyễn Thanh Thu H tổng số tiền là 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) tiền vay gốc và xin rút yêu cầu khởi kiện về tiền lãi suất, việc rút yêu cầu tiền lãi suất là hoàn toàn tự nguyện.

Quá trình làm việc Bị đơn trình bày:

Tại bản tự khai vào lúc 09 giờ 00 phút, ngày 18/6/2020 chị Thái Thị Huyền Tr thừa nhận có nhiều lần nhận tiền của chị H, sau đó vào ngày 01/6/2018 và ngày 03/6/2018 có viết giấy nhận tổng số tiền là 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) của chị H để làm tin, mục đích nhận tiền của chị Hằng là chị H gửi chị Tr để chị Tr cho người khác vay tiền lấy lãi (số lãi lấy được là của chị H, từ khi cho vay chị H đã nhận khoảng 50.000.000 đồng tiền lãi). Thực chất chị TR không vay tiền của chị H và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần chị Thái Thị Huyền Tr, nhưng chị Tr vắng mặt không có lý do, đến ngày 23/6/2020 chị Thái Thị Huyền Tr có đơn xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và các phiên tòa xét xử vụ án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên Tòa chị Nguyễn Thanh Thu H và đại diện là anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn xin xét xử vắng mặt; vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án nên đã gây khó khăn cho tòa án thu thập chứng cứ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217, Điều 218, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 166, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh Thu H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Yêu cầu về việc “tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa xác định quan hệ: “tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” .

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thanh Thu H buộc bị đơn chị Thái Thị Huyền Tr phải trả số tiền 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*):

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh Thu H cho bị đơn chị Thái Thị Huyền Tr vay tổng số tiền 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*), làm 02 lần, cụ thể như sau: lần 1: Ngày 01/06/2018, vay số tiền 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*); lần 2: Ngày 03/06/2018, vay số tiền 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*). Bị đơn chị Thái Thị Huyền Tr cũng thừa nhận; tuy nhiên, bị đơn chị Thái Thị Huyền Tr cho rằng đây là số tiền nguyên đơn nhờ bị đơn cho vay dùm để lấy lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thanh Thu H không thừa nhận; mặt khác bị đơn cũng không chứng minh được đây là tiền nguyên đơn gửi.

[4] Tại các giấy vay tiền ngày 01/06/2018 và ngày 03/06/2018, bị đơn đều thừa nhận nội dung trong các giấy vay tiền này là do bị đơn viết và ký.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thanh Thu H yêu cầu bị đơn chị Thái Thị Huyền Tr phải trả số tiền 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) là có căn cứ cần chấp nhận.

[6] Về tiền lãi: Nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu về lãi nên chấp nhận và đình chỉ yêu cầu này.

[7] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên cần trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp. Buộc bị đơn phải nộp án phí dân sự theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217, Điều 218, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H về yêu cầu lãi suất.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thanh Thu H.

Buộc bị đơn chị Thái Thị Huyền Trang phải trả cho nguyên đơn chị Nguyễn Thanh Thu H số tiền 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày chị Nguyễn Thanh Thu H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Thái Thị Huyền Tr không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc bị đơn chị Thái Thị Huyền Tr phải nộp 17.500.000đ (*mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn chị Nguyễn Thanh Thu H số tiền 8.750.000đ theo Biên lai số 0003329 ngày 27/12/2019, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
ĐÃ KÝ